

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, KP 3, P.Tăng Nhơn Phú B, Q9, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01- DN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.951.725.736.731	2.331.087.236.014
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	64.971.351.887	110.201.205.897
1. Tiền	111		64.971.351.887	103.301.205.897
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	5.000.000.000	5.060.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	60.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.196.280.236.282	1.469.876.334.560
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	642.808.635.159	853.285.145.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	162.572.592.692	166.304.967.363
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	182.868.708.302	132.468.708.302
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	240.438.430.423	349.953.930.554
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(32.601.016.048)	(32.502.460.134)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		192.885.754	366.042.924
IV. Hàng hoá tồn kho	140		651.200.301.185	688.759.037.226
1. Hàng hoá tồn kho	141	7	673.511.104.055	709.160.281.601
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.310.802.870)	(20.401.244.375)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.273.847.377	57.190.658.331
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	5.050.027.420	7.143.138.862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.704.520.791	49.658.221.502
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	16	519.299.166	389.297.967
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.428.724.548.334	2.256.746.204.668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		444.838.342.103	459.147.526.103
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	4.800.000.000	4.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	440.038.342.103	454.347.526.103
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		977.584.930.570	1.068.227.485.260
1. TSCĐ hữu hình	221	9	935.539.405.593	1.023.423.577.356
- Nguyên giá	222		2.387.810.817.706	2.436.615.716.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.452.271.412.113)	(1.413.192.139.267)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. TSCĐ thuê tài chính	224	10	41.989.969.416	44.530.894.014
- Nguyên giá	225		52.666.012.068	52.666.012.068
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.676.042.652)	(8.135.118.054)
3. TSCĐ vô hình	227	11	55.555.561	273.013.890
- Nguyên giá	228		309.000.000	530.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(253.444.439)	(257.236.110)
III. Bất động sản đầu tư	230		14.114.110.356	14.355.377.202
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(361.900.269)	(120.633.423)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	242.315.017.687	128.095.893.635
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		242.315.017.687	128.095.893.635
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		729.817.535.863	565.220.253.711
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2	579.513.004.810	414.548.483.524
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2	181.378.535.544	181.405.535.544
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(31.074.004.491)	(30.733.765.357)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.054.611.755	21.699.668.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	15.459.411.782	15.878.267.779
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		124.946.874	171.165.692
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	13	4.470.253.099	5.650.235.286
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.380.450.285.065	4.587.833.440.682
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.797.532.941.526	3.137.503.621.801
I. Nợ ngắn hạn	310		1.471.999.430.353	1.938.265.379.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	199.306.240.668	237.406.625.656
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	22.467.068.415	27.104.626.093
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	16	19.039.526.517	17.598.605.354
4. Phải trả cho người lao động	314	17	54.460.091.809	120.108.922.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.880.804.916	6.795.950.599
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiến độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		152.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	79.498.345.403	82.043.227.070
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.076.251.311.780	1.439.234.048.942
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	2.157.715.946	4.717.381.547
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	7.786.324.899	3.255.991.524
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.325.533.511.173	1.199.238.242.588
1. Phải trả người bán dài hạn	331		18.726.108.292	18.726.108.292
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
7. Phải trả dài hạn khác	337	19	9.776.000.000	9.872.072.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.297.031.402.881	1.170.640.062.296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.582.917.343.539	1.450.329.818.881
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.582.917.343.539	1.450.329.818.881
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	35.309.419.345	35.748.305.345
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(692.500.000)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	308.988.929.341	288.919.072.835
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	381.828.119	381.828.119
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	373.389.075.928	279.535.547.106
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a		152.695.451.242	77.480.881.863
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		220.693.624.686	202.054.665.243
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	131.342.280.806	112.931.755.476
II. Nguồn kinh phí và các quỹ	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.380.450.285.065	4.587.833.440.682

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2016

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC





Lê Thị Tú Anh

Đặng Thanh Phước

Bùi Thị Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 2 / 2016	Quý 2 / 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	793.501.303.593	1.026.873.769.979	1.522.688.838.599	1.857.240.461.671
2. Các khoản giảm trừ	03		24.022.601	431.163.640	50.456.775	578.701.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	793.477.280.992	1.026.442.606.339	1.522.638.381.824	1.856.661.759.799
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	652.069.735.338	906.749.944.549	1.295.134.502.447	1.633.421.256.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141.407.545.654	119.692.661.790	227.503.879.377	223.240.503.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	(3.015.363.668)	16.569.592.765	33.195.079.683	26.593.556.770
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	31.333.674.667	48.270.490.022	62.186.499.731	82.802.139.385
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.314.619.227	35.741.039.091	58.984.736.897	64.265.038.103
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		111.588.910.302	68.375.061.984	134.855.452.885	107.613.679.031
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	24.700.320.988	21.402.082.665	46.223.835.878	44.701.063.089
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	32.337.656.599	33.510.103.691	73.291.072.474	75.879.914.769
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		161.609.440.034	101.454.640.161	213.853.003.863	154.064.621.844
12. Thu nhập khác	31	VII.7	6.690.636.473	914.496.997	7.047.814.174	2.813.198.793
13. Chi phí khác	32	VII.8	6.005.411	9.130.619.108	42.482.883	12.300.461.937
14. Lợi nhuận khác	40		6.684.631.062	(8.216.122.111)	7.005.331.291	(9.487.263.144)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		168.294.071.096	93.238.518.050	220.858.335.154	144.577.358.700
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		615.241.029	3.114.651.875	783.512.289	5.774.955.693
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		23.109.415	(25.865.655)	46.218.818	(51.731.296)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		167.655.720.652	90.149.731.830	220.028.604.047	138.854.134.303
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(4.254.900)	(208.985.659)	(665.020.639)	454.506.729
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		167.659.975.552	90.358.717.489	220.693.624.686	138.399.627.574
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	2.286	1.100	3.009	1.756

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 QUÝ 2 NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.048.206.941.070	1.248.156.520.607	2.057.648.749.575	2.260.486.631.977
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(815.090.509.785)	(1.186.291.213.696)	(1.611.002.921.189)	(1.884.432.889.442)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(113.750.161.962)	(45.498.976.568)	(217.641.436.583)	(188.413.677.285)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(42.207.340.159)	(38.106.861.432)	(66.711.185.677)	(59.482.598.857)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(168.271.260)	(2.660.303.818)	(839.174.608)	(6.470.905.069)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		50.884.175.738	37.103.605.839	78.573.783.333	51.631.348.573
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(81.040.667.631)	(77.534.264.961)	(122.081.698.351)	(106.285.153.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.834.166.011	(64.831.494.029)	117.946.116.500	67.032.756.827
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(121.102.989.833)	(39.891.615.637)	(177.749.935.218)	(45.508.327.257)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.877.774.970	22.500.529.435	6.248.274.970	22.682.718.555
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.500.000.000)	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.400.000.000	640.000.000	14.600.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		27.000.000	(40.411.800)	-	(40.411.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	56.000.000.000	814.277.649
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		196.435.021.571	175.071.553.366	211.842.497.979	181.635.809.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		85.636.806.708	155.780.055.364	110.940.837.731	141.584.066.400
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	13.445.000.000	-	19.745.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.044.486.414.308	1.230.043.264.437	2.015.593.005.869	2.319.712.238.388
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.203.350.623.257)	(1.263.810.159.661)	(2.171.090.667.567)	(2.455.427.501.570)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		257.499.999	-	-	(266.851.380)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(76.553.761.785)	(85.492.790.581)	(118.477.785.625)	(86.086.817.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(235.160.470.736)	(105.814.685.805)	(273.975.447.323)	(202.323.931.643)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(102.689.498.017)	(14.866.124.470)	(45.088.493.092)	6.292.891.584
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	167.258.903.236	77.359.652.331	110.201.205.897	56.236.462.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		401.946.668	181.817.537	(141.360.918)	145.990.921
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	64.971.351.887	62.675.345.398	64.971.351.887	62.675.345.398

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2016



KỶ TÔNG GIÁM ĐỐC
 PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chi may, chi thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Nhuộm và hoàn tất vải; Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Sản xuất sợi, sợi nhân tạo (trừ tái chế thải); Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc; Sản xuất và kinh doanh nước khoáng, bia, rượu, nước giải khát các loại; Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì phục vụ cho ngành bia rượu, nước giải khát; Kinh doanh dịch vụ vận tải,..

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm hợp Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	60.99%	60.99%	60.99%	60.99%
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	51.97%	73.59%	51.97%	73.59%
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	Đường số 3, lô B, Khu công nghiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng	Sản xuất vải dệt thoi, nhuộm sợi, nhuộm và hoàn tất vải	60.74%	60.74%	60.74%	60.74%
Công ty TNHH Linen Supply Services	Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất các sản phẩm may mặc	60.00%	60.00%	60.00%	60.00%
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	17 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản	35.63%	50,46%	68,56%	68,56%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35.00%	35.00%	35.00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Tòa nhà Gilimex, tầng 12-2, 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận, dịch vụ xuất khẩu	26.93%	26.93%	26.93%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21.51%	21.51%	21.51%
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40%	40%	40%
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Số 9/7 đường số 3, phường Bình Trưng Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, chỉ, sản phẩm dệt may. Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt.	35%	35%	35%
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	40%	40%	40%
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	Lầu 7, số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh du lịch, lương thực thực phẩm, khai thác khoáng sản, máy móc thiết bị, vật liệu	22.10%	22.10%	22.10%
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận	44.02%	44.02%	44.02%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Thôn Phú Hải 2, xã Lộc vinh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh tổng hợp, trồng và chăm sóc rừng, các dịch vụ du lịch, kinh doanh vật liệu xây dựng.	37.63%	37.63%	37.63%
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	43.15%	43.15%	36.47%
Công ty cổ phần may Gia Phúc	48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và buôn bán hàng may mặc	25.00%	25.00%	25.00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho quý bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc quý.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu).

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của một phần của nhà chung cư thuộc sở hữu Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.519.924.692	1.110.001.587
Tiền gửi ngân hàng	60.451.427.195	102.191.204.310
Các khoản tương đương	-	6.900.000.000
Cộng	<u>64.971.351.887</u>	<u>110.201.205.897</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trong kỳ Tập đoàn đã bán toàn bộ số trái phiếu của Công ty CP Mía đường Lam Sơn.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	194.695.051.362	279.948.689.940	85.253.638.578	38.689.510.807	123.943.149.385
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	1.059.199.505	51.691.941.450	50.632.741.945	1.045.878.065	51.678.620.010
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	215.301.273	10.215.301.273	10.000.000.000	1.342.184.990	11.342.184.990
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	(1.756.804.357)	5.012.811.643	6.769.616.000	(1.558.917.106)	5.210.698.894
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	12.171.270.094	1.012.325.621	13.183.595.715	12.171.270.094	1.068.630.024	13.239.900.118
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	36.000.000.000	2.417.265.924	38.417.265.924	36.000.000.000	4.631.835.775	40.631.835.775
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	17.700.000.000	-	17.700.000.000	17.700.000.000	-	17.700.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(545.656.596)	144.040.544.012	144.586.200.608	(545.656.596)	144.040.544.012
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(537.649.660)	6.761.550.340	7.299.200.000	(537.649.660)	6.761.550.340
Công ty cổ phần May Gia Phúc	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-	-	-
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	8.011.203.600	4.530.100.913	12.541.304.513	-	-	-
Cộng	<u>383.423.870.825</u>	<u>196.089.133.985</u>	<u>579.513.004.810</u>	<u>370.412.667.225</u>	<u>44.135.816.299</u>	<u>414.548.483.524</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối quý
Công ty TNHH Coats Phong Phú	123.943.149.385	133.771.260.555	(3.952.594.667)	26.186.874.667	279.948.689.940
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	51.678.620.010	25.086.481		(11.765.041)	51.691.941.450
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	11.342.184.990	(298.183.355)	(700.000.000)	(128.700.362)	10.215.301.273
Công ty cổ phần may Đà Lạt	5.210.698.894	378.107.235	(634.652.566)	58.658.080	5.012.811.643
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	13.239.900.118	(56.304.403)		-	13.183.595.715
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	40.631.835.775	1.425.916.758	(3.600.000.000)	(40.486.609)	38.417.265.924
Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc	17.700.000.000	-		-	17.700.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.040.544.012	-		-	144.040.544.012
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	6.761.550.340	-		-	6.761.550.340
Công ty cổ phần May Gia Phúc		-		-	-
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	(390.430.386)		12.931.734.899	12.541.304.513
	414.548.483.524	134.855.452.885	(8.887.247.233)	38.996.315.634	579.513.004.810

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty cổ phần dệt may Liên Phương	32.288.540.334		32.288.540.334	
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.318	(412.689.372)	5.852.355.318	(412.689.372)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(340.239.134)	2.984.184.383	
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	(63.840.180)	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần bông Tây Nguyên	266.915.000	-	266.915.000	-
Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	53.163.455.345	-	53.163.455.345	-
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Khác	-	-	27.000.000	-
Cộng	181.378.535.544	(3.910.077.857)	181.405.535.544	(3.569.838.723)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Năm nay
Số đầu năm	30.733.765.357
Trích lập dự phòng bổ sung	340.239.134
Số cuối quý	31.074.004.491

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>223.892.825.968</i>	<i>200.710.757.181</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	60.462.851.746	75.510.512.428
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	48.674.432.952	57.514.995.089
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	67.678.347.656	67.594.248.784
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	29.411.518.873	91.000.880
Công ty CP xúc tiến thương mại Phong Phú	12.542.484.329	-
Công ty cổ phần may Gia Phúc	5.123.190.412	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>418.915.809.191</i>	<i>652.574.388.370</i>
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	110.629.753.768	110.629.753.768
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	68.969.385.720	91.652.764.666
Các khách hàng khác	239.316.669.703	450.291.869.936
Cộng	642.808.635.159	853.285.145.551

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>107.572.092.137</i>	<i>127.608.914.736</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	104.963.177.401	125.000.000.000
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>55.000.500.555</i>	<i>38.696.052.627</i>
Cộng	162.572.592.692	166.304.967.363

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>171.800.000.000</i>	<i>108.800.000.000</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	169.300.000.000	106.300.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>11.068.708.302</i>	<i>23.668.708.302</i>
Công ty CP phát triển hạ tầng công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may Việt Nam	6.500.000.000	17.500.000.000
Các tổ chức, cá nhân khác	4.568.708.302	6.168.708.302
Cộng	182.868.708.302	132.468.708.302

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cộng	4.800.000.000	4.800.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>127.398.364.541</i>	<i>-</i>	<i>239.680.110.847</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia			161.000.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.815.716.668		21.969.188.891	
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	64.789.315.799		53.040.187.104	
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	2.994.867.894		2.994.867.894	
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	798.464.180		675.866.958	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>113.040.065.882(4.542.551.090)</i>	<i>-</i>	<i>110.273.819.707(4.542.551.090)</i>	<i>-</i>
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	51.145.000.000		51.145.000.000	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	61.895.065.882	(4.542.551.090)	59.128.819.707	(4.542.551.090)
Cộng	240.438.430.423	(4.542.551.090)	349.953.930.554	(4.542.551.090)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	435.847.335.508	-	450.847.335.508	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	4.191.006.595	-	3.500.190.595	-
Cộng	440.038.342.103	-	454.347.526.103	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	558.531.810	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	101.181.275.527	(3.602.408.055)	171.286.635.478	(3.602.408.055)
Công cụ, dụng cụ	969.675.509	-	1.055.483.543	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	314.963.601.688	(2.385.462.310)	322.953.754.053	(2.385.462.310)
Thành phẩm	237.533.656.758	(16.142.139.212)	193.796.842.482	(14.232.580.717)
Hàng hóa	1.596.624.540	(13.613.077)	4.927.041.365	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	16.707.738.223	(167.180.216)	15.140.524.680	(167.180.216)
Cộng	673.511.104.055	(22.310.802.870)	709.160.281.601	(20.401.244.375)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	20.401.244.375
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(1.276.399.105)
Tăng trích lập dự phòng	3.185.957.600
Số cuối quý	22.310.802.870

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	186.435.986	1.706.950.093
Chi phí đồng phục	445.242.998	1.273.869.685
Chi phí sửa chữa	2.151.711.838	1.238.921.135
Chi phí quảng cáo	169.696.973	424.242.425
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc	1.052.000.000	1.021.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.044.939.625	1.478.155.524
Cộng	5.050.027.420	7.143.138.862

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.097.258.940	6.525.070.435
Chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng	506.822.149	6.030.866.112
Các chi phí trả trước dài hạn khác	12.855.330.693	3.322.331.232
Cộng	15.459.411.782	15.878.267.779

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	52.666.012.068	8.135.118.054	44.530.894.014
Tăng trong năm			
Khấu hao trong năm		3.847.057.255	
Phân loại lại		(1.306.132.657)	
Số cuối năm	52.666.012.068	10.676.042.652	41.989.969.416

11. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	530.250.000	257.236.110	273.013.890
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(221.250.000)	(20.458.333)	
Khấu hao trong năm		16.666.662	
Số cuối năm	309.000.000	253.444.439	55.555.561

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	15.679.720.859	512.690.454
Xây dựng cơ bản dở dang	226.635.296.828	127.583.203.181
	242.315.017.687	128.095.893.635

13. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	23.599.643.726
Số cuối quý	23.599.643.726
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	17.949.408.440
Phân bổ trong năm	1.179.982.187
Số cuối quý	19.129.390.627
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.650.235.286
Số cuối quý	4.470.253.099

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016
Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: biến động tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	456.329.473.976	1.929.511.438.205	47.525.748.684	2.788.251.608	460.804.150	2.436.615.716.623
Mua sắm mới	-	1.174.131.100	1.210.831.825	-	-	2.384.962.925
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.248.642.627	9.606.150.676	-	-	-	18.854.793.303
Tặng khác	-	1.100.000.000	-	-	-	1.100.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.562.852.763)	(200.000.000)	-	-	(29.762.852.763)
Nhượng bán Công ty con	(11.312.851.073)	(28.861.218.848)	(729.655.819)	(469.081.442)	-	(41.372.807.182)
Giảm khác	-	-	-	(8.995.200)	-	(8.995.200)
Số cuối kỳ	454.265.265.530	1.882.967.648.370	47.806.924.690	2.310.174.966	460.804.150	2.387.810.817.706
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	180.796.437.634	1.200.112.319.903	29.071.200.959	2.772.005.894	440.174.878	1.413.192.139.267
Khấu hao trong năm	9.961.480.936	55.735.446.442	1.908.234.474	300.391.516	-	67.905.553.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.628.263.257)	(865.004.741)	-	-	(26.493.267.998)
Nhượng bán Công ty con	(353.020.888)	(2.250.280.934)	(273.620.916)	(469.081.442)	-	(3.346.004.180)
Giảm khác	-	1.306.132.657	-	(293.141.002)	-	1.012.991.655
Số cuối kỳ	190.404.897.682	1.229.275.354.811	29.840.809.776	2.310.174.966	440.174.878	1.452.271.412.113
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	275.533.036.342	729.399.118.302	18.454.547.725	16.245.714	20.629.272	1.023.423.577.356
Số cuối kỳ	263.860.367.848	653.692.293.559	17.966.114.914	-	20.629.272	935.539.405.593

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>95.246.076.537</i>	<i>63.823.680.082</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	27.085.988.591	26.922.365.623
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	60.157.898.396	36.901.314.459
Công ty Cổ phần Xúc tiến TM&ĐT Phong Phú	8.002.189.550	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>104.060.164.131</i>	<i>173.582.945.574</i>
Cộng	<u>199.306.240.668</u>	<u>237.406.625.656</u>

14b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả tiền mua máy móc thiết bị nhập khẩu của Century Tokyo Leasing Corporation.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Motives Ltd		5.779.780.280
Các khách hàng khác	12.504.490.515	11.362.267.913
Cộng	<u>22.467.068.415</u>	<u>27.104.626.093</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối quý</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	177.509.366	165.657	1.867.198.025	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	24.333.369	-	11.165.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	804.121.360	364.798.941	748.459.041	209.409.058
Thuế thu nhập cá nhân	8.495.570.334	-	1.047.157.800	298.724.397
Thuế tài nguyên	18.150.599	-	18.162.479	-
Tiền thuế đất	8.045.292.167	-	15.358.549.172	-
Các loại thuế khác	57.961.528	-	-	-
Cộng	<u>17.598.605.354</u>	<u>389.297.967</u>	<u>19.039.526.517</u>	<u>519.299.166</u>

17. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.660.634.625	2.467.602.751
Chi phí hoa hồng	1.780.271.462	1.768.769.518
Chi phí điện	-	1.642.391.976
Chi phí lãi mua hàng trả chậm	-	198.863.800
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.439.898.829	718.322.554
Cộng	<u>10.880.804.916</u>	<u>6.795.950.599</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	26.084.289.375	5.875.243.057
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	1.230.215.279	875.243.057
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền cổ tức Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	53.414.056.028	76.167.984.013
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.275.567.259	3.847.349.881
Lãi vay phải trả	29.968.503.882	15.866.057.703
Cổ tức phải trả	14.697.025.758	24.748.957.950
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	22.423.305.508
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.472.959.129	9.282.312.971
Cộng	79.498.345.403	82.043.227.070

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	9.776.000.000	9.776.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư Phước Long	5.226.000.000	5.226.000.000
- Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Tâm Trang	2.950.000.000	2.950.000.000
- Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	-	96.072.000
Cộng	9.776.000.000	9.872.072.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	26.500.000.000	37.500.000.000
Tập đoàn dệt may Việt Nam	26.500.000.000	37.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.041.412.565.490	1.401.734.048.942
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.035.016.565.490	1.261.507.155.312
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	63.858.982.077	278.792.811.161
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	82.965.396.406	72.080.025.030
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	174.196.493.749	196.746.542.744
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	602.236.048.936	643.782.786.663
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	16.567.274.910	5.855.200.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội</i>	62.694.487.360	43.731.369.863
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa</i>	32.497.882.052	20.518.419.851
Vay ngắn hạn tổ chức khác	6.396.000.000	10.000.000.000
<i>Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú</i>	6.396.000.000	10.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân		5.440.368.402
Vay dài hạn đến hạn trả	8.338.746.290	120.651.577.163
Nợ thuê tài chính đến hạn	-	4.134.948.065
Cộng	1.076.251.311.780	1.439.234.048.942

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	504.625.774.731	
Tập đoàn dệt may Việt Nam	504.625.774.731	
Vay dài hạn ngân hàng	186.141.492.682	376.881.514.074
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam</i>	5.280.000.000	6.049.491.102
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>	21.727.993.473	18.817.913.395
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam</i>	-	46.809.466.993
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam</i>	134.746.863.887	264.116.868.207
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng</i>	-	2.460.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình</i>	-	4.800.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam</i>	16.644.028.877	25.653.651.552
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín</i>	2.263.500.720	2.280.717.505
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt</i>	-	5.893.405.320
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội</i>	5.479.105.725	
Vay dài hạn các tổ chức khác	286.303.766.410	126.573.598.080
<i>Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi</i>	32.000.000.000	32.000.000.000
<i>Onshine Investment Limited</i>	70.331.598.080	70.331.598.080
<i>Hirose Shokai Co., Ltd ^(x)</i>	24.242.000.000	24.242.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(xi)	159.730.168.330	161.185.987.108
Nợ thuê tài chính ^(xii)	5.960.369.058	5.998.963.034
Trái phiếu thường dài hạn ^(xiii)	314.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	1.297.031.402.881	1.170.640.062.296

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.353.999.243	1.620.353.256
Quỹ phúc lợi	2.798.856.245	1.332.559.857
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	263.551.897	263.551.897
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	369.917.514	39.526.514
Cộng	7.786.324.899	3.255.991.524

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhôm Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016
 Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	733.505.810.000	35.748.305.345	(692.500.000)	288.919.072.835	381.828.119	279.535.547.106	1.337.398.063.405
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	220.693.624.685,96	220.693.624.685,96
Trích lập các quỹ	-	-	-	24.830.000.000,00	-	38.982.979.420,00	14.152.979.420,00
Chia cổ tức Điều chỉnh giảm do chuyển khoản đầu tư	-	(438.886.000)	692.500.000	4.760.143.494,00	-	2.805.899.072,00	1.700.630.422,00
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	26.697.914.084,00	26.697.914.084,00
Số dư cuối kỳ	733.505.810.000	35.309.419.345	-	308.988.929.341	381.828.119	373.389.075.928	1.451.575.062.733



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
Cộng	<u>733.505.810.000</u>	<u>733.505.810.000</u>

23b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.350.581	73.350.581
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu phổ thông	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		69.250
- Cổ phiếu phổ thông		69.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.350.581	73.281.331
- Cổ phiếu phổ thông	73.350.581	73.281.331
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	112.931.755.476
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(665.020.639)
Cổ tức đã chia trong năm	(14.216.880.000)
Phân phối các quỹ	
Phân phối quỹ KTPT, khác	(1.161.322.719)
Tăng do chuyển nhượng một phần cổ phần tại Công ty CP Dệt may Nha Trang	40.000.000.000
Giảm do chuyển nhượng công ty cổ phần Dệt may Gia Phúc	(9.800.000.000)
Giảm do chuyển nhượng công ty CP XTTM và ĐT Phong Phú	(11.377.447.851)
Tăng do chuyển nhượng một phần cổ phần công ty con	943.484.600
Tăng lợi nhuận chưa phân phối MI do chuyển nhượng công ty con	8.827.018.817
Tăng quỹ đầu tư phát triển MI do chuyển nhượng công ty con	4.759.786.483
Tăng thặng dư vốn cổ phần MI do chuyển nhượng công ty con	456.750.000
Tăng giảm khác	644.156.639
Số cuối quý	<u>131.342.280.806</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	219.997.084.936	374.222.918.157
Doanh thu bán thành phẩm	1.206.245.131.004	1.421.063.243.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.010.732.105	48.624.234.412
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.845.217.554	12.934.801.301
Doanh thu khác	590.673.000	395.264.538
Cộng	<u>1.522.688.838.599</u>	<u>1.857.240.461.671</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chiết khấu thương mại	-	2.873.472
Giảm giá hàng bán	-	195.737.505
Hàng bán bị trả lại	50.456.775	380.090.895
Cộng	<u>50.456.775</u>	<u>578.701.872</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	191.686.454.754	323.423.270.579
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.055.224.283.826	1.265.850.095.506
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.258.171.239	29.662.116.488
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	8.329.792.429	14.278.466.782
Giá vốn khác	449.842.599	237.805.813
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.185.957.600	(30.498.655)
Cộng	<u>1.295.134.502.447</u>	<u>1.633.421.256.513</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	270.482.326	241.193.424
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	101.008.334	160.683.501
Lãi tiền cho vay	6.284.027.029	2.756.261.590
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.510.500.000	18.461.932.532
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.680.653.198	4.620.994.258
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.017.851.380	-
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn	241.800.000	208.937.446
Doanh thu hoạt động tài chính khác	88.757.416	143.554.019
Cộng	<u>33.195.079.683</u>	<u>26.593.556.770</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chi phí lãi vay	58.984.736.897	64.265.038.103
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	55.722.351
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.712.837.978	6.455.299.836
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	12.020.688.424
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng các khoản đầu tư (Hoàn nhập)/Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(4.859.760.866)	(3.858.816.071)
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.348.685.722	262.433.022
Cộng	<u>62.186.499.731</u>	<u>82.802.139.385</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chi phí cho nhân viên	9.910.275.788	8.740.470.179
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.877.994	179.675.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.265.638	61.815.642
Chi phí vận chuyển	9.217.809.766	13.110.745.767
Chi phí khác	26.852.606.692	22.608.356.074
Cộng	<u>46.223.835.878</u>	<u>44.701.063.089</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Chi phí cho nhân viên	30.682.939.605	29.908.136.014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.495.785.876	3.042.567.177
Chi phí thuế và lệ phí	7.361.603.561	3.784.275.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.005.273.569	1.239.737.805
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.179.982.187	1.179.982.187
Chi phí dự phòng	98.555.914	29.690.700
Chi phí khác	29.466.931.762	36.695.525.462
Cộng	<u>73.291.072.474</u>	<u>75.879.914.769</u>

8. Thu nhập khác

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.703.147.456	-
Thu từ chuyển nhượng dự án	-	1.162.405.455
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.193.693.048	682.531.023
Thu nhập khác	150.973.670	968.262.315
Cộng	<u>7.047.814.174</u>	<u>2.813.198.793</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2016

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	309.533.268
Chi phí thanh lý, nhượng bán dự án	-	1.707.202.236
Giá trị quyền tham gia dự án	-	10.000.000.000
Tiền phạt	24.203.226	40.622.000
Chi phí khác	18.279.657	243.104.433
Cộng	<u>42.482.883</u>	<u>12.300.461.937</u>

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>6 tháng đầu 2016</u>	<u>6 tháng đầu 2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	220.693.624.686	138.399.627.574
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(9.687.973.930)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	220.693.624.686	128.711.653.644
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	73.350.581	73.350.581
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.009</u>	<u>1.756</u>

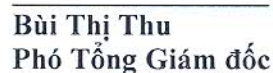
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2016



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc